TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Phương Ông Hoàng Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐ-ST ngày 03/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh ngày 01/8/1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: T 18/20, A B, Cộng hòa Liên bang Đ.

Chị T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1999; Nơi thường trú: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; Địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2024, không triệu tập).

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh ngày 26/7/1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Eigelstein 116, 50668 Köln, Cộng hòa Liên bang Đức

Anh Mạnh ủy quyền cho anh Trần Mạnh C, sinh năm 2003; Địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2024, không triệu tập).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị U, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bà U ủy quyền cho cho chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1999; Địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 26/11/2024, chị G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh M qua quá trình tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện đã quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 42; Đăng ký ngày 24/4/2019. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2021, vì kinh tế gia đình nên chị, anh M cùng sang Đức sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh M không có sự đồng cảm, chia sẻ và thường xuyên xảy ra cãi vã, điều này khiến đời sống vợ chồng trở nên căng thẳng. Từ năm 2023, vợ chồng sống ly thân. Hiện chị đang sống tại địa chỉ: *"Tucholskystraβe 18/20, 10117 B, Cộng hòa Liên bang Đ"* còn anh Phạm Văn M đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: *"Eigelstein 116, 50668 Köln, Cộng hòa Liên bang Đ"*. Do mỗi người một nơi, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ, quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai đã không còn cách nào để hàn gắn mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không có kết quả vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Việc duy trì cuộc hôn nhân đầy mâu thuẫn khiến vợ chồng cảm thấy mệt mỏi, nặng nề. Nay, chị thấy hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân trên thực tế không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị, anh M có 01 con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/12/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà Vũ Thị U (bà nội của cháu K). Sau ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên, do chị hiện đang lao động tại Đức nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K nên đề nghị tạm giao cháu K cho bà U chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi chị về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T trình bày: Do chị đang ở nước ngoài nên không thể có mặt tham gia giải quyết việc ly hôn của chị và anh M, chị đề được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh

năm 1999; Địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án.

Anh Phạm Văn M là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: anh, chị T qua quá trình tìm hiểu, trên cơ sở tự nguyện đã quyết định tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Theo giấy chứng nhận kết hôn số 42; Đăng ký ngày 24/4/2019. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2021, vì kinh tế gia đình nên anh, chị T cùng sang Đức sinh sống và làm việc. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm trong cuộc sống. Anh và chị T không có sự đồng cảm, chia sẻ và thường xuyên xảy ra cãi vã, điều này khiến đời sống vợ chồng trở nên căng thẳng. Từ năm 2023, vợ chồng sống ly thân. Hiện anh đang sống tại địa chỉ: *"Eigelstein 116, 50668 Köln, Cộng hòa Liên bang Đ"* còn chị Vũ Thị T đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ: *"Tucholskystraße 18/20, A B, Cộng hòa Liên bang Đ"*. Do mỗi người một nơi, vợ chồng không có điều kiện gần gũi, chia sẻ, quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, cả hai đã không còn cách nào để hàn gắn mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không có kết quả vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng. Việc duy trì cuộc hôn nhân đầy mâu thuẫn khiến vợ chồng cảm thấy mệt mỏi, nặng nề. Nay chị Vũ Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh, chị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/12/2019.

Tại đơn khởi kiện chị T đề nghị Tòa án giao chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K sau ly hôn, trong thời gian chị T ở nước ngoài thì đề nghị Tòa án tạm giao cháu K cho mẹ ruột anh là và Vũ Thị U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Anh đồng ý yêu cầu này của chị T vì phù hợp với tình hình, điều kiện của cả hai bên, cũng đảm bảo cháu K có môi trường sống ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh M trình bày: Hiện nay anh đang ở nước ngoài nên không thể có mặt tham gia giải quyết vụ án giữa anh và chị T, anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh ủy quyền cho anh Trần Mạnh C, sinh năm 2003; địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án.

Bà Vũ Thị U là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh M, mẹ chồng chị T. Anh M, chị T kết hôn năm 2019 sau đó chung sống hạnh phúc tại thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2021 anh chị quyết định sang Đức lao động và nhờ bà chăm sóc con chung của anh chị. Bà được biết sau khi sang Đức thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, hiện đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Phía gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo anh chị hòa giải, đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh M bà không có ý kiến gì. Việc anh chị có chung sống cùng nhau hay không là do anh chị tự quyết định. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh M, chị T có 01 con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/12/2019. Hiện nay cháu K đang do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T muốn được quyền nuôi dưỡng cháu K, anh M cũng đồng ý với yêu cầu này. Trong thời gian chị T ở nước ngoài thì nhờ bà tiếp tục chăm sóc cháu K, khi nào chị T về nước bà sẽ giao cháu K cho chị T chăm sóc.

Vấn đề này bà hoàn toàn đồng ý vì phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của vợ chồng anh M, chị T. Hơn nữa cháu K hiện đang khỏe mạnh, sống với bà từ nhỏ, quen môi trường sống nên để tránh làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu, bà đồng ý nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K trong thời gian chị T ở nước ngoài. Đến khi chị T về nước bà sẽ bàn giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà cam kết sẽ nghiêm túc nuôi dạy cháu K tử tế, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để cháu có cuộc sống tốt nhất, được ăn uống, sinh hoạt và học tập đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án chấp thuận cho bà được thay chị T nuôi cháu K trong thời gian chị T ở nước ngoài.

Việc nuôi dạy cháu K trong thời gian chị T ở nước ngoài là hoàn toàn tự nguyện, bà không yêu cầu anh M, chị T phải đóng góp gì, nên bà tự nguyện không yêu cầu chi phí nuôi dưỡng cháu. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng và chi phí trong thời gian nuôi dưỡng cháu K.

Ngoài ra bà U trình bày: Do bận công việc nên bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà ủy quyền cho cho chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1999; Địa chỉ liên hệ: Số I T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội giao nhận tài liệu với Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T, anh M, bà U vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị T, anh M, bà U và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T; xử:

Về hôn nhân: chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Phạm Anh K cho bà Vũ Thị U nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do chị T, anh M, bà U không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị T, anh M gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, đơn đề nghị giám định của chị T, anh M gửi đến Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay của chị T, anh M trong các tài liệu gửi đến Tòa án. Tại Kết luận giám định số 49/KL-KTHS ngày 08/01/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh B nêu:

Dấu vân tay mầu đỏ bên phải dưới các mục "Người khởi kiện", "Người tự khai", "Người ủy quyền", "Người làm đơn" và cuối các trang giấy trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ phải" trên bản sao chỉ bản số 122218555, mang tên Vũ Thị T, sinh ngày 01/8/1995 (ký hiệu M1) do Phòng C1 về TTXH - Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay mầu đỏ bên trái dưới các mục "Người khởi kiện", "Người tự khai", "Người ủy quyền", "Người làm đơn" và cuối các trang giấy trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ trái"

trên bản sao chỉ bản số 122218555, mang tên Vũ Thị T, sinh ngày 01/8/1995 (ký hiệu M1) do Phòng C1 về TTXH - Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay mầu đỏ bên phải dưới các mục "Người tự khai", "Người ủy quyền", "Người làm đơn" và cuối các trang giấy trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A9) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 122086299, mang tên Phạm Văn M, sinh ngày 26/7/1995 (ký hiệu M2) do Phòng C1 về TTXH - Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay mầu đỏ bên trái dưới các mục "Người tự khai", "Người ủy quyền", "Người làm đơn" và cuối các trang giấy trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A6 đến A9) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ trái" trên bản sao Chỉ bản số 122086299, mang tên Phạm Văn M, sinh ngày 26/7/1995 (ký hiệu M2) do Phòng C1 về TTXH - Công an tỉnh B cung cấp là của cùng một người.

Do đó, có căn cứ xác định chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn M là người ký và lập các giấy tờ "Đơn khởi kiện, B tự khai, Giấy ủy quyền, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Đơn đề nghị giám định" gửi đến Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu này để thụ lý, giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Chị T khởi kiện xin ly hôn anh M và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 1575/QLXNC-P3 ngày 22/01/2025 của Cục Q - Bộ C2 cung cấp, chị Vũ Thị T, xuất nhập cảnh Việt Nam 03 lần, lần gần nhất nhập cảnh Việt Nam ngày 13/7/2018 và xuất cảnh ngày 27/4/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam; anh Phạm Văn M đã xuất cảnh Việt Nam ngày 27/4/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh Việt Nam. Do đó, chị T, anh M được xác định là đều đang ở nước ngoài. Mặt khác, anh M là bị đơn có nơi thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Vũ Thị T, bị đơn anh Phạm Văn M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh M, bà U.

[5]. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T với anh M, Hội đồng xét xử thấy: Chị T, anh M đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân.

Sau khi kết hôn chị T và anh M chung sống hòa thuận, sau đó năm 2021 cùng đi lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ. Sang Đ vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Chị T yêu cầu giải quyết cho chị và anh M được ly hôn, anh M đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh M, chị T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh M là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/12/2019. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bà Vũ Thị U (bà nội). Sau khi ly hôn chị T đề nghị giao cháu K cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng do chị vẫn đang lao động tại Đức nên đề nghị tạm giao cháu K cho bà U nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao con chung cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: chị T, anh M đang lao động tại Cộng hòa Liên bang Đ nên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, cháu K từ khi anh M, chị T đi nước ngoài lao động đến nay vẫn sinh sống cùng bà U, cháu phát triển ổn định về cả vật chất lẫn tinh thần. Ngoài ra chị T và anh M đều có ý kiến tại Bản tự khai, đơn khởi kiện đồng ý để chị T nuôi con chung và tạm giao cháu K cho bà U nuôi dưỡng trong thời gian chị T ở nước ngoài. Bà U đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K cho chị T cho đến khi chị T về nước sinh sống. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của cháu K và đảm bảo sự phát triển tốt nhất của con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cháu K cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cho bà Vũ Thị U chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị T về Việt Nam là có căn cứ theo quy định tại Điều 104 Luật Hôn nhân và Gia đình, phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo quyền vào lợi ích mọi mặt của con chung cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trường hợp anh Phạm Văn M có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T, anh M, bà U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị T, anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh M, chị T đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà U vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T được ly hôn anh Phạm Văn M.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/12/2019 cho chị Vũ Thị T nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Phạm Anh K cho bà Vũ Thị U nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Phạm Văn M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000257 ngày 04/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Vũ Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Vũ Thị T, anh Phạm Văn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Vũ Thị U có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền